

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Mua sắm Hệ thống đo đạc điện áp rơi máy phát điện (VDT)

Phát hành ngày: 10/7/2025

Ban hành kèm theo Quyết định: 463/QĐ-TSC ngày 10/7/2025

Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Sơn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư/ Bên mời thầu/ PV Power TSC	Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật
YCBG	Yêu cầu báo giá
BBG	Bản báo giá
Luật đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, được Quốc hội thông qua ngày 23/6/2023 và có hiệu lực từ 01/01/2024
VND	Đồng Việt Nam

CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Giới thiệu tổng quan

Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh thực hiện Gói thầu Mua sắm Hệ thống đo đặc điện áp roi máy phát điện (VDT).

Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Vốn sản xuất kinh doanh của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Thời gian thực hiện gói thầu: Trong vòng 22 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu theo quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Hạch toán tài chính độc lập;

b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi YCBG

1. Làm rõ YCBG

Trong trường hợp cần làm rõ YCBG, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư muộn nhất trước ngày có thời điểm đóng thầu 03 ngày làm việc. Khi nhận được đề nghị làm rõ YCBG của nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà thầu khác đã mua hoặc nhận YCBG từ Chủ đầu tư, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi YCBG thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi YCBG theo thủ tục quy định tại Khoản 2

mục này.

2. Sửa đổi YCBG

Trường hợp sửa đổi YCBG, chủ đầu tư sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà thầu đã nhận YCBG tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian để sửa đổi BBG, chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng việc sửa đổi YCBG.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.
2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.
3. BBG cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến BBG được trao đổi giữa chủ đầu tư và nhà thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong BBG có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của BBG

BBG do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn dự thầu theo Mẫu số 01
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà thầu và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.
3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 08
4. Tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về năng lực của nhà thầu, thông tin hàng hóa tại chương III.
5. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa/ dịch vụ được chào.
6. Các nội dung khác:
 - + Giá chào hàng được chào bằng đồng tiền Việt Nam.
 - + Có giá dự thầu cố định, không chào thầu theo nhiều mức giá hoặc có kèm điều kiện.
 - + Bảng kê hàng hóa chào hàng phải ghi rõ theo các yêu cầu tại Mẫu biểu theo quy định YCBG.

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của YCBG, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.
2. Nhà thầu phải nộp BBG cho toàn bộ phạm vi công việc được mô tả tại Chương II và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng.

3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa

Trong BBG, Nhà thầu phải cam kết cấp đủ các tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu Nhà thầu được lựa chọn trúng thầu. Cụ thể:

- + Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) đối với hàng hóa nhập khẩu;
- + Giấy chứng nhận cháy lượng (C/Q) hoặc tài liệu tương đương đối với hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước.

Mục 9. Thời gian có hiệu lực của BBG

1. Thời gian có hiệu lực của BBG là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. BBG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.
2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của BBG, chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của BBG đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì BBG của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của BBG.

Mục 10. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. Đóng thầu

Nhà thầu nộp BBG tham gia đấu thầu qua mạng trước thời điểm đóng thầu:

- Địa chỉ Chủ đầu tư: Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật, Tầng 4 Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Yên Hoà, Hà Nội.
- **Thời điểm đóng thầu: 10 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 7 năm 2025.**

2. Mở thầu:

Chủ đầu tư phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu.

Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin về gói thầu:

- Số TBMT;
- Tên gói thầu;
- Tên Chủ đầu tư

- Hình thức lựa chọn nhà thầu;
 - Loại hợp đồng;
 - Thời điểm hoàn thành mở thầu;
 - Tổng số nhà thầu tham dự.
- b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:
- Tên nhà thầu;
 - Giá dự thầu;
 - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);
 - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
 - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu;
 - Thời gian có hiệu lực của BBG;
 - Thời gian thực hiện hợp đồng;
 - Các thông tin liên quan khác (nếu có).

Mục 11. Nhà thầu phụ: Không áp dụng.

Mục 12. Làm rõ BBG

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ BBG theo yêu cầu của Chủ đầu tư, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong BBG của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của BBG đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.
2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ BBG giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện thông qua văn bản (trực tiếp trên hệ thống).
3. Việc làm rõ BBG chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có BBG cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá BBG của nhà thầu theo BBG nộp trước thời điểm đóng thầu.
4. Nhà thầu không thể tự làm rõ BBG sau thời điểm đóng thầu.

Mục 13. Đánh giá BBG và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Các tiêu chí đánh giá BBG được quy định tại Chương III.
2. Trong quá trình đánh giá, Chủ đầu tư mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung BBG để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

11/5/2024, 10:00 AM

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có BBG hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của YCBG;
3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu.
4. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, chủ đầu tư đăng tải thông tin và thông báo về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, BBG của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.
3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định của YCBG. Thư bảo lãnh thực hiện Hợp đồng được áp dụng Mẫu thư bảo lãnh quy định tại YCBG này hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.
2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:
 - a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
 - b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
 - c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị

Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định pháp luật hiện hành về đấu thầu.

CHƯƠNG II. PHẠM VI CÔNG VIỆC

I. Phạm vi yêu cầu của gói thầu

1. Yêu cầu chung đối với hàng hóa

- Cung cấp đầy đủ hàng hóa đáp ứng các thông số và yêu cầu về kỹ thuật như Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa;
- Hàng mới 100% chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở đi;
- Cung cấp chứng chỉ chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất/hoặc đại diện hợp pháp của nhà sản xuất; chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (C/O) của Phòng Thương mại hoặc Công nghiệp của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp đối với những hàng hóa có yêu cầu tại Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa đính kèm YCBG.

2. Các yêu cầu khác:

Hàng hóa do các nhà cung cấp/nhà sản xuất cung cấp phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật bao gồm nhưng không giới hạn sau:

- Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Nhà thầu nêu rõ nhà sản xuất.
- Hàng hóa phải được kiểm định bởi tổ chức có chứng năng kiểm định hàng hóa được công nhận cấp chứng nhận.
- Có nhãn, mác, thông số kỹ thuật rõ ràng.
- Hàng hóa phải được bảo quản theo tiêu chuẩn quy định của nhà sản xuất/TCVN.
- Có đầy đủ tài liệu mô tả kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng, an toàn và bảo quản của nhà sản xuất. Tài liệu kỹ thuật, phải có đầy đủ tính pháp lý và được thể hiện bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh.
- Cung cấp dịch vụ đào tạo chuyển giao công nghệ sau bán hàng. Trong đó nhân sự hướng dẫn của nhà thầu có trên 03 năm kinh nghiệm sử dụng các thiết bị/phần mềm phân tích thí nghiệm (trong đó có máy đo VDT).
- Thời gian bảo hành hàng hóa: Tối thiểu 01 năm kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa. Chế độ bảo hành tuân thủ chế độ bảo hành tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

II. Địa điểm, thời gian thực hiện công việc:

- Địa điểm giao hàng: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật – PV Power TSC Tây Nam Bộ - Ấp 1, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau.
- Thời gian thực hiện công việc: Thời gian giao hàng trong vòng 20 tuần kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

CHƯƠNG III: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của BBG

1.1. Kiểm tra BBG

Kiểm tra các thành phần của BBG theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của BBG

BBG của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của YCBG.
- b) Không áp dụng nhà thầu liên danh.
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong YCBG.
- d) Thời gian có hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu.
- e) Không có tên trong hai hoặc nhiều BBG với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).
- f) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định.

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định sau đây. BBG được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá dưới đây.

Nhà thầu đạt về năng lực, kinh nghiệm được đánh giá tiếp về kỹ thuật.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

BẢNG SỐ 01: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU

Các tiêu chí năng lực tài chính			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu		
1	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết trong đơn dự thầu
2	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa trong tự	Nhà thầu phải cung cấp tối đa 02 Hợp đồng tương tự (*) đã hoàn thành toàn bộ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/1/2021 đến thời điểm đóng thầu theo quy định như sau: (*) Hợp đồng tương tự là: - Tương tự về tính chất: Có Hợp đồng cung cấp hàng hóa có mã HS code là 9030 - Tương tự về quy mô: Hợp đồng có giá trị $\geq 560.000.000$ VNĐ	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05 và Bản sao được công chứng hoặc chứng thực: Hợp đồng, Biên bản nghiệm thu và/hoặc Biên bản thanh lý hợp đồng; hoặc Xác nhận của chủ đầu tư hoặc các tài liệu có liên quan

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá về kỹ thuật. BBG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Nhà thầu đạt về kỹ thuật được đánh giá tiếp về tài chính.

Tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

BẢNG SỐ 03: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

Stt	Nội dung đánh giá		Đánh giá
I	Phạm vi, khối lượng công việc		
1	Phạm vi hàng hóa cung cấp	Đáp ứng 100% yêu cầu tại Phụ lục 1- Danh mục hàng hóa	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
II	Yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa		
1	Các thông số kỹ thuật quy định tại Bảng 1 – Danh mục hàng hóa	Đáp ứng yêu cầu tại Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa	Đạt
		Không đáp ứng theo yêu cầu tại Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa	Không đạt
2	Nhà thầu cung cấp tài liệu kỹ thuật để chứng minh hàng hóa chào đáp ứng thông số và yêu cầu kỹ thuật	Đáp ứng 100% yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
3	Nhà sản xuất, xuất xứ của hàng hóa	Nêu rõ ràng, cụ thể hãng sản xuất, quốc gia/khu vực sản xuất	Đạt
		Để trống không nêu	Không đạt
4	Hàng mới 100% , chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 trở đi	Đáp ứng 100% yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
III	Chế độ bảo hành		
1	Cam kết tuân thủ chế độ bảo hành tiêu chuẩn của nhà sản xuất	Đáp ứng 100% yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng 100% yêu cầu	Không đạt

Stt	Nội dung đánh giá		Đánh giá
2	Thời hạn bảo hành hàng hóa của nhà thầu	≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa	Đạt
		< 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa	Không đạt
IV	Tiến độ giao hàng, địa điểm giao hàng		
1	Địa điểm giao hàng: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật – PV Power TSC Tây Nam Bộ – Ấp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	Đáp ứng 100% yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
2	Thời gian giao hàng hóa: Trong vòng 20 tuần kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Đáp ứng 100% yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Sử dụng phương pháp: Giá thấp nhất

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

- Bước 1: Xác định giá dự thầu theo đơn dự thầu;
- Bước 2: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);
- Bước 3: Xác định giảm giá (nếu có)
- Bước 4: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có).
- Bước 5: Xếp hạng nhà thầu. BBG có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự

sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;
- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi chủ đầu tư cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà thầu chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;
- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;
- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

- a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu có sai lệch.

Trường hợp một hạng mục trong BBG của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các BBG của nhà thầu khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong BBG của nhà thầu này; trường hợp BBG của nhà thầu không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương IV. BIỂU MẪU

Stt	Nội dung	Áp dụng Mẫu	Ghi chú
1	Đơn dự thầu	Mẫu số 01	Áp dụng
2	Giấy ủy quyền	Mẫu số 02	Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu
3	Bản kê khai thông tin của nhà thầu	Mẫu số 03	Áp dụng
4	Phạm vi cung cấp hàng hóa	Mẫu số 04	
5	Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Mẫu số 05	Áp dụng
6	Bảng tiến độ cung cấp	Mẫu số 06	Áp dụng
7	Đề xuất hàng hóa của nhà thầu	Mẫu số 07	Áp dụng
8	Bảng giá dự thầu của hàng hóa	Mẫu số 08	Áp dụng

ĐƠN DỰ THẦU

Ngày:

Tên gói thầu:

Kính gửi: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM -
CÔNG TY CỔ PHẦN - TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Sau khi nghiên cứu YCBG, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____ Mã số thuế: ____ cam kết thực hiện gói thầu

theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG với giá dự thầu là(VND) cùng với
các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Số tiền bằng chữ: _____

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là:
..... %

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: (VND) (đã bao gồm toàn
bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Số tiền bằng chữ: _____

Hiệu lực của BBG: ____ kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Nhà thầu cam kết bảo đảm dự thầu cho gói thầu là: 10.000.000 VNĐ

Hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 90 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả

nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

8. Những thông tin kê khai trong BBG là trung thực;

9. Trường hợp trúng thầu, BBG và các văn bản bổ sung, làm rõ tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu BBG của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của YCBG.

11. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

12. Nhà thầu không cần nộp Bảo đảm dự thầu. Tuy nhiên, trong trường hợp chúng tôi có các hành vi sau đây thì chúng tôi sẽ bị thu bảo đảm dự thầu đúng quy định và bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, bị nêu tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư, gồm:

- Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng”.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc ____ [*Ghi tên dự án/dự toán mua sắm*] do ____ [*Ghi tên chủ đầu tư*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ BBG;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: *[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]*

Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động:

[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]

Năm thành lập công ty:

Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu *[tại nơi đăng ký]*:

Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu

Tên: _____

Địa chỉ: _____

Số điện thoại/fax: _____

Địa chỉ email: _____

1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...

2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa(1)	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa(2)	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)(3)	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng(4)
1	Digital Microhmmeter	Bộ	1	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG	EU/G7	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần
2	TEST LEAD SET	Bộ	1	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG	EU/G7	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần
3	Test Lead Wire with Silicone Insulation	Bộ	2	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG		Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần
4	Test Lead Wire with Silicone Insulation	Bộ	2	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG		Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần
5	Do-It-Yourself 4mm Stackable Banana Plug	Cái	8	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG		Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần

STT	Danh mục hàng hóa(1)	Đơn vị tính	Khối lượng	Mô tả hàng hóa(2)	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa (nếu có)(3)	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng(4)
6	Do-It-Yourself 4mm Stackable Banana Plug	Cái	8	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG		Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần
7	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug	Cái	8	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG		Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần
8	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug	Cái	8	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG		Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần
9	Electronic DMM Maxi-Kit	Bộ	1	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG		Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần
10	Fluke TL221 SureGrip™ Test Lead Extenders	Bộ	2	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG		Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần
11	Fluke TP220 SureGrip™ Industrial Test Probes	Bộ	1	Theo Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG		Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần

Ghi chú:

1) Danh mục hàng hóa bao gồm các hạng mục hàng hóa, mỗi hạng mục hàng hóa tương ứng với khối lượng, đơn vị tính và các thông tin khác trong Bảng này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Phụ lục 1 – Danh mục hàng hóa Đính kèm YCBG.

(3) Áp dụng trong các trường hợp:

- Chủ đầu tư yêu cầu về xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đầu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa theo đúng yêu cầu về xuất xứ hoặc xuất xứ Việt Nam, kể cả trong trường hợp xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà Chủ đầu tư yêu cầu không có Việt Nam. Nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ theo yêu cầu của YCBG hoặc không phải xuất xứ Việt Nam thì sẽ bị loại.

Ví dụ về nhóm nước, vùng lãnh thổ: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ...; Liên minh Châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), nhóm các nền kinh tế lớn G20, G8, G7...

- Chủ đầu tư quyết định việc yêu cầu nhà thầu chào hàng hóa xuất xứ trong nước khi gói thầu mua sắm hàng hóa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 3 Điều 10 của Luật Đầu thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chào hàng hóa xuất xứ Việt Nam, nhà thầu chào hàng hóa không có xuất xứ Việt Nam sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư không yêu cầu về xuất xứ thì để trống nội dung này.

(4) Ngày giao hàng phù hợp với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V.

Trường hợp gói thầu chia phần (lô), Chủ đầu tư phải điền rõ tên từng phần (lô) và các hàng hóa như Mẫu này

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>	
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>	
Giá hợp đồng ⁽³⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>	
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>	
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>	
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>	
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>	
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾		
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>	
2. Chung loại, lĩnh vực hàng hóa	<i>[ghi thông tin chung loại, lĩnh vực nếu có]</i>	
3. Mã HS	<i>[ghi thông tin về mã HS nếu có]</i>	
4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>	

5. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi thông tin trong hợp đồng]</i>
6. Các đặc tính khác	<i>[ghi các thông tin khác (nếu có)]</i>

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ YCBG và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của YCBG.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP^(*)

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Digital Microhmmer	Bộ	1	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	
2	TEST LEAD SET	Bộ	1	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	
3	Test Lead Wire with Silicone Insulation	Bộ	2	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	
4	Test Lead Wire with Silicone Insulation	Bộ	2	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	
5	Do-It-Yourself 4mm Stackable Banana Plug	Cái	8	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất [ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực]
6	Do-It-Yourself 4mm Stackable Banana Plug	Cái	8	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	
7	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug	Cái	8	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	
8	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug	Cái	8	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	
9	Electronic DMM Maxi-Kit	Bộ	1	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	
10	Fluke TL221 SureGrip™ Test Lead Extenders	Bộ	2	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	
11	Fluke TP220 SureGrip™ Industrial Test Probes	Bộ	1	Áp 1, Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau	20 tuần	

Ghi chú:

Cột (7): Nhà thầu điền

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong YCBG. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì BBSG của nhà thầu sẽ bị loại.

ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Digital Microhmmer							Bộ	1	
2	TEST LEAD SET							Bộ	1	
3	Test Lead Wire with Silicone Insulation							Bộ	2	
4	Test Lead Wire with Silicone Insulation							Bộ	2	
5	Do-It-Yourself 4mm Stackable Banana Plug							Cái	8	
6	Do-It-Yourself 4mm Stackable Banana Plug							Cái	8	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS
7	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug							Cái	8	
8	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug							Cái	8	
9	Electronic DMM Maxi-Kit							Bộ	1	
10	Fluke TL221 SureGrip™ Test Lead Extenders							Bộ	2	
11	Fluke TP220 SureGrip™ Industrial Test Probes							Bộ	1	

Ghi chú:

Cột (1), (2), (9), (10): giữ nguyên

- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì BBG của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “theo BBG”, nhãn hiệu: “theo đề xuất kỹ thuật”; xuất xứ: “theo đề xuất kỹ thuật” ... thì BBG của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “không có” vào cột số (3). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “không có” thì bbg của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

- Cột (11): Trường hợp cột này bỏ trống và nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA
(áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Digital Microhmmeter							Bộ	1			M1
2	TEST LEAD SET							Bộ	1			M2
3	Test Lead Wire with Silicone Insulation							Bộ	2			M3
4	Test Lead Wire with Silicone Insulation							Bộ	2			M4
5	Do-It-Yourself 4mm Stackable Banana Plug							Cái	8			M5

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
6	Do-It-Yourself 4mm Stackable Banana Plug							Cái	8			M6
7	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug							Cái	8			M7
8	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug							Cái	8			M8
9	Electronic DMM Maxi- Kit							Bộ	1			M9
10	Fluke TL221 SureGrip™ Test Lead Extenders							Bộ	2			M10

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
11	Fluke TP220 SureGrip™ Industrial Test Probes							Bộ	1			MII
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển, lắp đặt, đào tạo hướng dẫn sử dụng												$(M) = M1+M2+...+M10+M11$

Ghi chú: (3), (4), (5), (6), (7), (8), (11), (12), (13): Nhà thầu điền.

Thông tin tại (11) nhà thầu có thể bỏ qua nếu không rõ.

Giá gói thầu bao gồm thuế GTGT 10% do đó chủ đầu tư được hiểu đơn giá dự thầu tại bảng này đã bao gồm Thuế GTGT 10%. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, giá ký hợp đồng sẽ điều chỉnh theo thuế suất thực tế.

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
HỢP ĐỒNG

Số:

Về việc:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ký ngày / /2025;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐLĐK ngày / /2025 Của Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu,

Hôm nay, ngày tháng ... năm 2025, Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**1. CHINHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CTCP
– TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT (PV POWER TSC)**

(sau đây gọi là Bên A)

Địa chỉ : Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Hà Nội.

Mã số thuế : 0102276173-009.

Đại diện : Ông Lê Ngọc Sơn

Chức vụ : Phó Giám đốc.

Theo Quyết định ủy quyền số

2.

(sau đây gọi là Bên B)

Địa chỉ : .

Điện thoại : .

Mã số thuế : .

Đại diện : .

Chức vụ: : .

Tài khoản : .

Tại : .

Hai Bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp Đồng cung cấp Hàng Hóa với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ, THUẬT NGỮ VÀ VIẾT TẮT

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được diễn giải như sau:

Hợp đồng: Là sự thỏa thuận giữa Bên A và Bên B, thể hiện bằng văn bản này, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.

Giá Hợp đồng: Là tổng số tiền mà Bên A phải trả cho Bên B theo Hợp đồng khi Bên B thực hiện đầy đủ và trọn vẹn nghĩa vụ Hợp đồng của mình.

Hàng hóa: Là thiết bị VDT, tài liệu kỹ thuật kèm theo mà Bên B phải cung cấp cho Bên A theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này.

Bên A: Là Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật (PV Power TSC).

Bên B: Là

Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: Tên tiếng Anh là Certificate of Origin, được viết tắt là C/O, là văn bản hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan, tổ chức thuộc nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ sản xuất hoặc xuất khẩu hàng hóa cấp dựa trên quy định và yêu cầu liên quan về xuất xứ, chỉ rõ nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa đó.

Giấy chứng nhận chất lượng: Tên tiếng Anh là Certificate of Quality/ Certificate of Conformance, viết tắt là C/Q, là loại giấy tờ xác nhận rằng hàng hóa có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn của nhà sản xuất hoặc các tiêu chuẩn quốc tế.

Ngày: Là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

Tuần: Là 07 ngày.

Địa điểm bàn giao Hàng hóa: Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

YCBG: Yêu cầu báo giá

BBG: Bản báo giá.

VND: Đồng Việt Nam.

ĐIỀU 2: THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG

Thành phần Hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau và là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng:

- Văn bản Hợp đồng (kèm theo Danh mục Hàng hóa và các Phụ lục khác);
- Các điều khoản của Hợp đồng;
- Biên bản thương thảo, hoàn thiện Hợp đồng;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
- YCBG;
- BBG và các văn bản làm rõ BBG của nhà cung cấp trúng thầu (nếu có);
- Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

ĐIỀU 3: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG VÀ ĐẶC ĐIỂM HÀNG HÓA

3.1 Bên A đồng ý mua và Bên B cam kết bán cho Bên A thiết bị mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2024 (sau đây gọi tắt là “Hàng hóa”) là sản

phẩm chính hiệu của nhà sản xuất, với tên gọi, chủng loại, mô tả, số lượng, đặc tính kỹ thuật, ký mã hiệu và xuất xứ cụ thể được nêu rõ tại Phụ lục 1 đính kèm Hợp đồng này.

3.2 Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trong trường hợp Hàng hóa có chứa nguồn phóng xạ để Bên A làm thủ tục xin phép đưa vào sử dụng.

ĐIỀU 4: LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ HỢP ĐỒNG

4.1 Loại hợp đồng: Trọn gói.

4.2 Tổng giá Hợp đồng là: ...VND (đã bao gồm thuế GTGT 8%).

(Bằng chữ:đồng).

4.3 Giá Hợp đồng tại Điều 4.2 trên đây sẽ không được thay đổi sau khi Hợp đồng đã được cả hai bên ký kết, trừ trường hợp mức thuế suất thuế GTGT thay đổi dẫn đến thay đổi Giá Hợp đồng, khi đó Giá Hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

4.4 Giá Hợp đồng tại Điều 4.2 trên đây bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và toàn bộ các chi phí mà Bên B phải chịu để giao Hàng hóa cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng và chi phí đào tạo chuyên gia công nghệ sau bán hàng.

ĐIỀU 5: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Trước ngày Hợp đồng có hiệu lực, Bên B phải nộp cho Bên A Bảo đảm thực hiện Hợp đồng với nội dung yêu cầu như sau:

- Hình thức bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Thư Bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
- Giá trị bảo lãnh thực hiện Hợp đồng: 10% giá Hợp đồng.
- Hiệu lực: Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến ngày hoặc ngày Bên B phát hành Bảo lãnh bảo hành cho lần thanh toán cuối cùng (tùy theo điều kiện nào đến trước). Trong trường hợp trước 10 ngày kể từ thời điểm bảo lãnh hết hiệu lực mà Bên B chưa hoàn thành các trách nhiệm được quy định trong hợp đồng, Bên B có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp Bên B không thực hiện gia hạn, Bên A có quyền rút bảo lãnh..

Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho việc Bên B không hoàn thành bất kỳ nghĩa vụ và trách nhiệm nào của mình theo quy định của Hợp đồng. Để tránh nhầm lẫn, việc chi trả bảo lãnh thực hiện Hợp đồng như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.

ĐIỀU 6: ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA

Bên B sẽ phải đóng gói Hàng hóa phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển Hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc

đóng gói phải đảm bảo Hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng hiện có từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.

ĐIỀU 7: KIỂM TRA VÀ THỬ NGHIỆM HÀNG HÓA

- 7.1 Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm Hàng hóa được cung cấp, nếu kết quả kiểm tra thử nghiệm không đạt thì Bên B phải đổi lại Hàng hóa và chịu các chi phí liên quan. Việc kiểm tra được tiến hành tại kho Bên A vào thời điểm giao hàng.
- 7.2 Bất kỳ Hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo Hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế bằng Hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các Hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.
- 7.3 Khi thực hiện các nội dung nêu tại Điều 7.1 và 7.2, Bên B không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng.

ĐIỀU 8: GIAO NHẬN HÀNG HÓA VÀ NGHIỆM THU

8.1. Thông báo giao hàng: Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ba (03) ngày làm việc về thời gian dự tính Hàng hóa sẽ sẵn sàng để có thể giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng. Đại diện của Bên A thực hiện các công tác liên quan đến việc giao nhận và nghiệm thu hàng hóa.

- Thời gian giao hàng: trong vòng 20 tuần kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực nhưng không muộn hơn ngày.
- Địa điểm giao nhận hàng: Văn phòng Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật tại Tây Nam Bộ - Ấp 1 Xã Khánh An Tỉnh Cà Mau.

8.2. Hàng hóa sẽ được giao cho Bên A tại Địa điểm giao nhận hàng theo đúng các quy định trong Hợp đồng này trước sự chứng kiến của đại diện của Bên A và Bên B. Ngay sau khi việc giao nhận hàng kết thúc, đại diện có thẩm quyền của Bên A và Bên B sẽ cùng ký xác nhận vào biên bản giao nhận (được lập thành 02 bản gốc, mỗi Bên giữ 01 bản) về việc nhận đầy đủ Hàng hóa như đã đề cập trong Điều 3 trên đây. Mọi vấn đề phát sinh có liên quan tới chất lượng và số lượng Hàng hóa trong quá trình giao nhận hàng tại địa điểm giao nhận hàng sẽ được ghi vào biên bản giao nhận và sẽ được các Bên có liên quan cùng ký xác nhận để làm bằng chứng pháp lý giải quyết các tranh chấp (nếu có) sau này cùng với các văn bản liên quan khác như biên bản giám định hàng đồ vỡ, hàng thiếu (nếu có).

8.3. Bên A có trách nhiệm xem xét và cho ý kiến về tính phù hợp, hợp lệ của hàng hóa, chứng từ được giao. Thông báo cho Bên B những bất thường về hàng hóa,

sự không thống nhất về chứng từ để Bên B giải trình, điều chỉnh, bảo hành, đổi hàng (nếu cần) cho phù hợp với yêu cầu hợp đồng. Việc xem xét trên bao gồm nhưng không giới hạn: thông số kỹ thuật hàng hóa; đơn vị tính hàng hóa; sự phù hợp giữa các chứng từ: hợp đồng, chứng nhận chất lượng, chứng nhận xuất xứ, tờ khai nhập khẩu... và có trách nhiệm ký biên bản nghiệm thu hàng hóa trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi Bên B giao hàng hóa và chứng từ hợp lệ đi kèm.

8.4. Việc nghiệm thu sẽ được tiến hành theo 02 bước như sau:

8.4.1. Nghiệm thu kỹ thuật:

- Việc nghiệm thu kỹ thuật của hàng hóa được thể hiện ở Biên bản bàn giao hàng hóa.
- Hàng hóa đáp ứng đầy đủ đặc tính kỹ thuật, mã hiệu như quy định trong Phụ lục 1 và có Giấy Chứng nhận Chất lượng của nhà sản xuất (C/Q) đủ điều kiện nghiệm thu kỹ thuật.
- Ngày của Biên bản bàn giao hàng hóa là ngày được dùng để xác định Hàng hóa có giao chậm hay không, và được dùng để tính Phạt giao chậm như quy định dưới đây.

8.4.2. Nghiệm thu khối lượng hoàn thành:

- Việc nghiệm thu khối lượng hoàn thành của hàng hóa được thể hiện ở Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, khi Bên B hoàn thành:
 - + Đối với hàng hóa: Hàng hóa sau khi được nghiệm thu kỹ thuật, có Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa (C/O) và các giấy tờ theo quy định Hợp đồng.
 - + Đối với trách nhiệm đào tạo: Hoàn thành các khóa đào tạo sử dụng thiết bị cơ bản (chi tiết tại Phụ lục 2).

8.5. Trong trường hợp hàng hóa và chứng từ được giao, nhưng chưa được nghiệm thu khối lượng hoàn thành do phải làm rõ, xác nhận lại một số thông tin. Tuy nhiên, sau khi làm rõ, xác minh những thông tin, chứng từ nhà cung cấp cung cấp là chính xác, thời gian đợi làm rõ, xác nhận không tính vào thời gian phạt. Thời điểm bàn giao được tính từ ngày Bên B giao hàng hóa và chứng từ.

8.6. Trong trường hợp hàng đồ vỡ, hàng thiếu, nếu cần thiết phải thuê cơ quan giám định độc lập để đánh giá tình trạng chất lượng và kỹ thuật của Hàng hóa khi Hàng hóa được giao cho Bên A tại địa điểm giao nhận hàng, Bên A và Bên B sẽ bàn bạc và thống nhất bằng văn bản về việc mời một cơ quan giám định có thẩm quyền tại Việt Nam để tiến hành giám định Hàng hóa, về nội dung, lịch trình giám định. Chi phí giám định sẽ do bên có lỗi chịu. Kết quả giám định tại biên bản giám định là căn cứ để xác định tình trạng, chất lượng, mức độ thiệt hại của Hàng hóa cũng như xác định mức độ trách nhiệm đền bù của Bên B (nếu có).

8.7. Bên A có quyền từ chối không nhận Hàng hóa (một phần hay toàn bộ) nếu Hàng hóa được giao không tuân thủ đúng các đặc tính kỹ thuật đã được mô tả trong Hợp đồng và Phụ lục 1 kèm theo.

8.8. Phạt giao chậm:

a. Giá trị Tuần trong tính phạt giao chậm được xác định bằng tổng số ngày giao chậm chia cho 07 ngày.

b. Phạt do giao hàng chậm:

Trường hợp Hàng hóa được Nghiệm thu kỹ thuật sau ngày cuối cùng phải giao hàng theo quy định Hợp đồng, Bên B sẽ bị phạt do giao hàng chậm với thời gian tính phạt giao hàng chậm kể từ ngày cuối cùng phải giao hàng theo quy định Hợp đồng đến ngày Biên bản bàn giao hàng hóa:

- Phạt 02% giá trị trước thuế phần giao chậm/ tuần giao chậm, số tiền phạt không quá 08% giá trị phần hàng hóa giao chậm trước thuế.

Bồi thường thiệt hại: Trường hợp Bên vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên kia thì ngoài trách nhiệm phạt vi phạm, Bên vi phạm phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế cho bên kia

ĐIỀU 9: ĐÀO TẠO HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH THIẾT BỊ SAU BÁN HÀNG

Bên B có trách nhiệm xây dựng chương trình đào tạo hướng dẫn vận hành thiết bị sau bán hàng, trình Bên A xem xét chấp thuận, bao gồm các nội dung sau:

- Bên B thực hiện đào tạo, hướng dẫn vận hành thiết bị cho nhân sự Bên A (số lượng 08 người) bao gồm đào tạo lý thuyết và thực hành tại công trường để nhân sự Bên A có thể sử dụng thành thạo thiết bị và nắm rõ nguyên tắc phân tích kết quả. Phạm vi đào tạo, hướng dẫn vận hành thiết bị bao gồm:
 - + Đào tạo sử dụng thiết bị cơ bản: Nội dung đào tạo Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm. Bên B được nghiệm thu khối lượng hoàn thành sau khi hoàn thành bàn giao hàng hóa và thực hiện các khóa đào tạo này.
 - Bên B được xác nhận hoàn thành toàn bộ trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn vận hành thiết bị tại **Biên bản xác nhận hoàn thành trách nhiệm đào tạo** được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký.

Bên A có trách nhiệm xem xét, chấp thuận chương trình đào tạo do Bên B đề xuất, sắp xếp, bố trí nhân sự, mặt bằng, thiết bị phục vụ đào tạo sử dụng thiết bị nâng cao. Thời gian thực hiện đào tạo sử dụng thiết bị nâng cao được hai bên thống nhất bằng văn bản.

ĐIỀU 10: HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Thanh toán một lần. Giá trị thanh toán là tổng giá trị của các mục hàng thực tế được ghi nhận tại Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Hàng hóa. Bên A thanh toán cho Bên B bằng hình thức chuyển khoản bằng tiền Việt Nam. Việc thanh toán sẽ được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ

chứng từ thanh toán hoàn chỉnh. Hồ sơ thanh toán bao gồm các chứng từ và tài liệu sau:

- Một (01) bản gốc **Công văn đề nghị thanh toán** của Nhà cung cấp;
- Một (01) bản gốc **Hóa đơn Tài chính** hợp pháp, hợp lệ ghi rõ 100% giá trị Hàng hóa được ghi nhận tại Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành có xác nhận của hai bên, thuế GTGT. Hóa đơn thuế GTGT được xuất theo tên, địa chỉ và mã số thuế như sau: Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật – Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 đường Trung Kính phường Yên Hòa, TP Hà Nội. Mã số thuế: 0102276173-009;
- Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực **Giấy Chứng nhận Chất lượng** (Certificate of Quality/ Certificate of Conformance (C/Q)) của nhà sản xuất chứng nhận Hàng hóa cung cấp cho Bên A theo Hợp đồng này có các đặc tính kỹ thuật phù hợp với tiêu chuẩn chế tạo sản xuất của nhà sản xuất; hàng được sản xuất từ năm 2024 trở đi.
- Một (01) bản gốc hoặc bản sao được công chứng/chứng thực **Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa** (Certificate of Origin (C/O)) hoặc C/O điện tử do Phòng Thương mại và Công nghiệp/**Cơ quan có thẩm quyền** của quốc gia sản xuất hoặc xuất khẩu cấp. Trong trường hợp Giấy Chứng nhận Xuất xứ Hàng hóa sai khác so với quy định, Bên B phải có trách nhiệm giải trình/làm rõ và chỉ được thanh toán hạng mục đó khi có sự chấp thuận của Bên A;
- Một (01) bản gốc **Biên bản bàn giao hàng hóa và nghiệm thu hàng hóa** được đại diện của hai bên cùng ký xác nhận;
- Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký xác nhận;
- Một (01) bản gốc **Biên bản nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành** được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký xác nhận;
- Bản gốc **Bảo lãnh bảo hành** theo quy định Khoản 11.2 Điều 11.
- Bản gốc **Chứng chỉ bảo hành** được phát hành bởi Nhà sản xuất hoặc bởi Bên B
- Một (01) bản gốc **Biên bản phạt chậm** giao hàng (nếu có).
- Một (01) bản gốc **Biên bản Quyết toán thanh lý hợp đồng**.
- Một (01) bản gốc **Biên bản xác nhận hoàn thành trách nhiệm đào tạo** được đại diện có thẩm quyền của hai bên cùng ký xác nhận
- Một (01) Bản sao của Bên B **Tờ khai hải quan nhập khẩu** (xóa giá) đối với phần hàng hóa do Bên B nhập trực tiếp; hoặc bản sao Hóa đơn/Hợp đồng (xóa giá) giữa Bên B và nhà cung cấp đối với phần hàng hóa không do Bên B trực tiếp nhập khẩu.

ĐIỀU 11: BẢO HÀNH, BẢO QUYỀN

11.1. Bảo hành: Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo Hợp đồng là mới chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo. Ngoài ra, Bên B cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo Hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa:

- Chứng chỉ bảo hành được phát hành bởi Nhà sản xuất hoặc Bên B với thời gian bảo hành là 12 tháng tính từ khi hàng hóa được Nghiệm thu khối lượng hoàn thành.
- Chế độ bảo hành tuân thủ chế độ bảo hành tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Bảo lãnh bảo hành: Sau khi hoàn thành công việc bàn giao nghiệm thu hàng hóa và dịch vụ, Bên B phải nộp cho Bên A bảo lãnh bảo hành nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành của Bên B. Bảo lãnh bảo hành bao gồm các nội dung chính sau:
 - + Hình thức bảo lãnh bảo hành: Thư bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng có uy tín hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.
 - + Giá trị bảo lãnh là 5% giá trị hợp đồng.
 - + Hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày phát hành bảo lãnh.
 - + Bên A có quyền rút Bảo lãnh bảo hành nếu trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản thông báo của Bên A, Bên B không tiến hành sửa chữa, thay thế hàng hóa và hoặc phần dịch vụ bị hư hỏng. Để tránh nhầm lẫn, việc rút bảo lãnh thực bảo hành như trên sẽ không loại bỏ trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại của Bên B cho Bên A đối với các thiệt hại xảy ra của Bên A xuất phát từ lỗi của Bên B.
 - + Bảo lãnh bảo hành sẽ tự động hết hiệu lực khi đến ngày hết có hiệu lực không phụ thuộc vào việc Bên A có hoàn trả bản gốc bảo lãnh cho Bên B hay không. Tuy nhiên, trong trường hợp cần thiết, Bên B có thể yêu cầu Bên A bằng văn bản hoàn trả bản gốc. Trong trường hợp này, Bên A chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc sẽ hoàn trả bản gốc Bảo lãnh bảo hành cho Bên B.
- Không bị ảnh hưởng bởi kết quả kiểm tra, thử nghiệm trước khi nhận và không làm ảnh hưởng đến các quyền của Bên A theo quy định của hợp đồng, nếu Bên A phát hiện thấy hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) được giao thiếu hoặc không đúng như các quy định, mô tả kỹ thuật, bị khiếm khuyết, sai quy cách, hư hỏng trong Hợp Đồng này, Bên A có quyền từ chối không nhận hàng hóa hoặc yêu cầu Bên B phải gửi bổ sung hoặc thay thế hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) sai quy cách hay bị hư hỏng bằng các hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) mới theo đúng các yêu cầu kỹ thuật và các điều kiện được quy định trong Hợp Đồng này. Bên B phải chịu mọi phí tổn liên quan đến việc thay thế này.
- Hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) được thay thế sẽ được bảo hành tiếp trong khoảng thời gian tương đương với thời hạn bảo hành quy định trong Hợp Đồng kể từ thời điểm thay thế.
- Nếu Bên B không khắc phục được các khiếm khuyết, hư hỏng hoặc không thay thế kịp thời hàng hóa (hoặc một phần hàng hóa) trong khoảng thời gian mười lăm (15) ngày được quy định trên đây, Bên A sẽ tự khắc phục sửa chữa hoặc thay mới bằng nhân lực và chi phí của mình hoặc thông qua Bên thứ ba. Bên B chịu trách nhiệm hoàn trả cho Bên A toàn bộ số tiền phát sinh căn cứ theo các chứng từ hợp lệ mà Bên A cung cấp.

11.2 Bản quyền: Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến Hàng Hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A

ĐIỀU 12: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

12.1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt Hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về Hợp đồng như sau:

- a) Bên A hoặc Bên B vi phạm cơ bản các nghĩa vụ trong Hợp đồng;
- b) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;
- c) Xảy ra sự kiện bất khả kháng;
- d) Bên A hoặc Bên B bị phá sản, giải thể.

12.2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ Hợp đồng theo điểm a và b Điều 12.1, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần Hợp Đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần Hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần Hợp đồng do mình thực hiện. Trường hợp Bên A không ký được Hợp đồng với Nhà cung cấp khác để thực hiện phần Hợp đồng bị chấm dứt nêu trên thì Bên B phải chịu phạt không giao hàng cho phần hợp đồng không thực hiện với tỷ lệ phạt là 8% (tám phần trăm) giá trị phần Hợp đồng không thực hiện;

12.3. Trong trường hợp Bên A hoặc Bên B chấm dứt Hợp đồng theo điểm d Điều 12.1, Bên còn lại không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của các bên được hưởng theo quy định của Hợp đồng và pháp luật.

ĐIỀU 13: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

13.1. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

13.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

13.3 Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên B theo hướng dẫn của Bên A vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên A phải xem xét để bồi hoàn cho Bên B các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

13.4 Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 12.

ĐIỀU 14: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

13.1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

13.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết thông qua Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền, luật điều chỉnh Hợp Đồng là luật Việt Nam. Mọi chi phí liên quan do Tòa quyết định.

ĐIỀU 15: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

15.1. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào có liên quan tới Hợp Đồng này đều phải được cả hai bên thỏa thuận bằng văn bản.

15.2. Những vấn đề không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ tuân thủ các văn bản pháp luật hiện hành khác của Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

15.3. Phụ lục 1 – Bảng giá Hợp đồng, Phụ lục 2: Phạm vi đào tạo chuyển giao công nghệ sau bán hàng kèm theo là bộ phận không thể tách rời của Hợp Đồng này. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng với Phụ lục 1,2 thì nội dung các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng sẽ được ưu tiên thi hành.

15.4. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ___/___/2025 và kết thúc khi hai bên thực hiện xong các nghĩa vụ và trách nhiệm được quy định trong Hợp Đồng này.

15.5. Hợp Đồng này được lập thành tám (08) bản chính và có giá trị pháp lý ngang nhau, Bên A giữ năm (05) bản, Bên B giữ ba (03) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phan L
- N
H L V A 11

CÁC PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [ghi tên Chủ đầu tư]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); ⁽²⁾

Theo quy định trong hồ sơ yêu cầu (hoặc hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại _____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____ [ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

PHỤ LỤC 1- DANH MỤC HÀNG HÓA

Stt	Tên vật tư /mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hoặc tương đương (*)	Yêu cầu CO, CQ	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa	Yêu cầu kiểm định	Đơn vị tính	Số lượng
1	Digital Microhmmeter	<p>Bộ gồm máy đo và phụ kiện kèm theo máy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - DLRO600 High Current Digital Low Resistance Ohmmeter (English QWERTY keyboard), part number: DLRO600-EN; - Included accessories: + 5 m (16.4 ft.) Lead set comprising 2 x 50 mm² current leads with clips and 2 potential leads with clips, part number: 6220-755 (6220-755 supplied as standard with DLRO600-EN); + Download Manager, part number: 6111-442; + User Guide on CD-ROM, part number: 6172-763; + RS232 download cable, part number: 25955-025; + Quick Start Guide (English), part number: 6172-782; 	Megger	x	EU-G7	x	Bộ	1

Stt	Tên vật tư /mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hoặc thương hiệu (*)	Yêu cầu CO, CQ	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa	Yêu cầu kiểm định	Đơn vị tính	Số lượng
2	TEST LEAD SET	<p>6220-757 15m Lead set</p> <p>2 x 95mm² current leads with clamps and 2 x potential leads with clips.</p> <p>Lead set consists of pair of flexible high current capacity (600 A cont.) leads, together with a separate pair of lightweight potential leads.</p> <p>Current leads are fitted with heavy duty sprung clamps (60 mm jaw capacity).</p> <p>Potential leads fitted with smaller HD crocodile clips 22 mm jaw capacity).</p> <p>Supplied as standard with DLRO600-EN</p>	Megger	x	EU-G7		Bộ	1
3	Test Lead Wire with Silicone Insulation	<p>50ft (15.2m) of unterminated 18 AWG test lead wire 50ft (15.2m lengths only.)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Choose from heat-resistant silicone <p>Very flexible with 192 strands of 41 AWG base copper conductor.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Wear indication with double insulated silicone leads for increased safety. 	Pomona				Bộ	2

Stt	Tên vật tư / mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hoặc tương đương (*)	Yêu cầu CO, CQ	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa	Yêu cầu kiểm định	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>• Create your own test leads with the adapters shown below.</p> <p>• Wide temperature range of -58 to 302°F (-50 to 150°C) with PVC insulation.</p> <p>*Std. Colors: -0 Black Model# 6733-0</p>						
4	Test Lead Wire with Silicone Insulation	<p>50ft (15.2m) of unterminated 18 AWG test lead wire 50ft (15.2m lengths only.)</p> <p>• Choose from heat-resistant silicone Very flexible with 192 strands of 41 AWG base copper conductor.</p> <p>• Wear indication with double insulated silicone leads for increased safety.</p> <p>• Create your own test leads with the adapters shown below.</p> <p>• Wide temperature range of -58 to 302°F (-50 to 150°C) with PVC insulation.</p>	Pomona				Bộ	2

Stt	Tên vật tư / mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hoặc tương đương (*)	Yêu cầu CO, CQ	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa	Yêu cầu kiểm định	Đơn vị tính	Số lượng
7	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug	Build your own safety leads with do-it-yourself safety-sheathed 4mm right-angle banana plug. Material: Contacts: nickel-plated brass; Insulation: lucel acetal polymer. Rating: IEC61010 1000V Category III**, 20A, 14 to 131°F (-10 to +55°C). *Std. Colors: -0 Black. Model# 6729-0	Pomona				Cái	8
8	Do-It-Yourself 4mm Right Angle Banana Plug	Build your own safety leads with do-it-yourself safety-sheathed 4mm right-angle banana plug. Material: Contacts: nickel-plated brass; Insulation: lucel acetal polymer. Rating: IEC61010 1000V Category III**, 20A, 14 to 131°F (-10 to +55°C). *Std. Colors: -2 Red	Pomona				Cái	8

Stt	Tên vật tư /mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hoặc tương đương (*)	Yêu cầu cầu CO, CQ	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa	Yêu cầu kiểm định	Đơn vị tính	Số lượng
9	Electronic DMM Maxi-Kit	<p>Model# 6729-2</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Silicone insulated 4ft (1.2m) leads. 2. Modular probe set. 3. Precision electronic probes. 4. 4 sets of replacements tips. 5. Test lead couplers. 6. Medium alligator clips. 7. Large alligator clips. 8. Minigrabber® test clip leads. 9. Minipincer® test clip leads. 10. Spade lugs. 11. Nylon storage pouch. <ul style="list-style-type: none"> • Modular probes with caged-spring tips fit 4mm sockets. • Silicone insulated 4ft (1.2m) test leads with right-angle DMM plugs fit most meters from Fluke, HP, Meterman, Amprobe, Greenlee and others. • Precision Electronic probe with replacement tips offers flexibility in testing. • Minigrabber® and Minipincer® test clip leads for smaller test points. 	Pomona				Bộ	1



Stt	Tên vật tư / mô tả	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất hoặc tương đương (*)	Yêu cầu cầu CO, CQ	Yêu cầu về xuất xứ hàng hóa	Yêu cầu kiểm định	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> Nylon storage pouch with compartments for accessories Model# 6340 						
10	Fluke TL221 SureGrip™ Test Lead Extenders	<p>Fluke TL221 SureGrip™ Test Lead Extenders Part#: 2003602 UPC#: 0 95969 20643 3</p> <p>One pair (red, black) of silicone insulated leads with straight connectors on both ends Reinforced strain relief Includes one pair (red, black) of female couplers Extends test leads by 1.5 m 600 V CAT IV, 1000 V CAT III, 10 A rating. UL listed type: TL221</p>	Fluke	x			Bộ	2
11	Fluke TP220 SureGrip™ Industrial Test Probes	<p>Fluke TP220 SureGrip™ Industrial Test Probes Fluke TP220 Part#: 1670056 UPC#: 0 95969</p>	Fluke	x			Bộ	1

Nhà sản xuất hoặc tương đương (*) – Trong đương là tương đương về đặc tính kỹ thuật tính năng sử dụng và tiêu chuẩn công nghệ.

PHỤ LỤC 2 - Nội dung đào tạo:

I. Nội dung đào tạo

NỘI DUNG GIẢNG DẠY	THỜI GIAN (Tiết)	GHI CHÚ
I. Hướng dẫn sử dụng máy đo	04	
I.1. Khái quát về các chức năng máy đo VDT		
I.2. Hướng dẫn hiệu chuẩn máy trước khi đo VDT		
I.3. Hướng dẫn cài đặt các giá trị trước khi đo VDT		
I.4. Hướng dẫn an toàn trong thử nghiệm thiết bị đo trên hệ thống		
I.5. Hướng dẫn lưu và lấy dữ liệu từ máy đo VDT		
II. Hướng dẫn phương pháp đo	04	
II.1. Hướng dẫn trình tự đo VDT		
II.2. Sơ kết nối dây đo từ máy đo VDT		
II.3. Cách thực hiện các phép đo và ghi số liệu		
II.4. Đánh giá kết quả đo và tiêu chuẩn áp dụng		
II.5. Cách kiểm tra và xử lý lỗi khi đo		
III. Thực hành đo VDT	07	
III.1. Hiệu chuẩn máy đo VDT		
III.2. Cài đặt máy đo VDT		
III.3. Kết nối dây đo từ máy đo VDT		
III.4. Thực hiện đo VDT		
III.5. Nghi nhận kết quả đo		
III.6. Tính toán, phân tích kết quả đo		
XIX. Trao đổi, thảo luận, giải đáp thắc mắc	01	
Tổng cộng	16	



II. Thời gian, địa điểm và hình thức đào tạo:

- Thời gian đào tạo: 16 tiết (02 ngày), ngày học 02 buổi, mỗi buổi học 04 tiết;
- Thời gian tổ chức đào tạo: Dự kiến tháng 12-2025;
- Địa điểm tổ chức đào tạo: tại Nhà máy điện Cà Mau (PV Power Cà Mau), Xã Khánh An, tỉnh Cà Mau;
- Hình thức đào tạo: Tập trung.

